

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019/HSST
Ngày 23 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2019/TLST-HS ngày 04/7/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 18/7/2019, đối với bị cáo: **Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C)**, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2000 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 4, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quý S (đã chết) và bà Hoàng Thị Thanh H; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/7/2016 bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/8/2019, theo Quyết định bắt, tạm giam số 01/2019/QĐ-BTG ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị T2, sinh năm 1964; trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Những người làm chứng:

+ Anh Trần Văn V, sinh năm 1992; trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phan Thanh T1, sinh năm 1993; trú tại: Tổ dân phố 12, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn 9, xã L, thành phố Đ, tỉnh

Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1994; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1975; trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 ngày 19/3/2019, Nguyễn Hoàng T cùng với Trần Văn V, Phan Thanh T1, Nguyễn Công H và Nguyễn Ngọc L đến nhà bà Lê Thị T2 ở thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình để sơn nhà theo hợp đồng. Khi đến nhà bà Tứ, Tuấn nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro, màu đen của bà Tứ để ở trên thành ghế ngồi tại phòng khách tầng một, Tuấn liền lấy điện thoại rồi tắt nguồn, bỏ vào túi quần và đi lên tầng hai. Tuấn giấu điện thoại lấy của bà Tứ trên ô cửa thông gió ở phòng vệ sinh tầng hai nhằm mục đích đến chiều tối khi làm việc xong sẽ đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày bà Tứ phát hiện bị mất điện thoại nên đã trình báo Cơ quan Công an, sau đó Nguyễn Hoàng T đã tự nguyện giao nộp điện thoại trên.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 26/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bố Trạch xác định: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro Nguyễn Hoàng T đã lấy trộm của bà Lê Thị T2 trị giá 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro để phục vụ điều tra và đã xử lý vật chứng trả lại cho bị hại Lê Thị T2. Bị hại Lê Thị T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSBT ngày 04/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 03 - 05 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố; trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày đã nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng Trần Văn V, Phan Thanh T1, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Văn L1. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người làm chứng này không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T đều thống nhất khai nhận: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, vào khoảng 07 giờ ngày 19/03/2019, tại nhà bà Lê Thị T2 ở thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình bị cáo đã lén lút lấy trộm của bà Tứ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen trị giá 5.000.000 đồng. Động cơ, mục đích của bị cáo là lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội bị cáo khai nhận đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án cũng như kết quả thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi, nhưng do thích hưởng thụ từ công sức, thành quả lao động của người khác, cùng với ý thức coi thường pháp luật nên đã phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xét xử nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo không chấp hành việc triệu tập của Tòa án nên bị truy nã, tuy nhiên, sau đó bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; tại phiên tòa, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân, năm 2016 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của pháp luật, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng để truy tố, xét xử bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, bị hại Lê Thị T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét thêm.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro mà bị cáo Nguyễn Hoàng T đã chiếm đoạt cho bị hại Lê Thị T2. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên không phải xem xét thêm.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C) 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 28/8/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C) với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: C) phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu